



Số: 22/2023/CV-HAGL Agrico  
(V/v giải trình lỗ và biến động sau thuế  
trên BCTC Quý I/2023 so với cùng kỳ)

Gia Lai, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính ("BCTC") tổng hợp và hợp nhất Quý I/2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty" mã CK: HNG) giải trình lỗ và biến động sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất Quý I/2023 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC Quý I/2023	BCTC Quý I/2022	Chênh lệch
Lỗ (lợi nhuận) sau thuế trên BCTC tổng hợp	(12,8)	49,1	(61,9)
Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất	(112,4)	(112,6)	0,2

Lỗ sau thuế trên BCTC tổng hợp Quý I/2023: **12,8 tỷ đồng**, cùng kỳ năm 2022 lãi **49,1 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cuối kỳ tăng cao so với cùng kỳ năm 2022.

Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất Quý I/2023: **112,4 tỷ đồng**. Nguyên nhân lỗ ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

- 1) Sản lượng chuối Quý I/2023 chỉ đạt 6.577 tấn, giảm 49% so với cùng kỳ Quý I/2022 (13.013 tấn) do: ảnh hưởng cơn bão Noru vào tháng 9/2022, Công ty vẫn đang trong quá trình cải tạo khôi phục lại hơn 1.200 ha các vườn cây hư hại do ngập lụt dẫn đến năng suất thấp; ngoài ra chi phí chăm sóc chuối trong giai đoạn trước bão nhưng Quý I/2023 không cho thu hoạch là 47,3 tỷ đồng.
- 2) Sản lượng mủ cao su chỉ thu hoạch trong tháng 1/2023, tuy nhiên theo chu kỳ khai thác kết thúc vào tháng 1 hàng năm, Công ty vẫn ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao vườn cây cao su của cả mùa vụ.

Trên đây là giải trình lỗ và biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Phi**



Chỉ tiêu	BCTC Quý I/2023	BCTC Quý I/2022	Crypto
Lãi (lỗ) thuần (sau thuế) từ các hoạt động kinh doanh	12.8	9.1	140.01
Lãi (lỗ) thuần (sau thuế) từ các hoạt động tài chính	11.241	11.041	0.0

1. Sau thuế với BCTC cùng kỳ Quý I/2023: 12.8 là do các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã có kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã có kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ năm trước.

2. Sau thuế với BCTC cùng kỳ Quý I/2023: 11.241 là do các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã có kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã có kết quả kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ năm trước.





# **HAGL Agrico**

## **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2023



**NỘI DUNG**

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 32

11/01/2011  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ  
HOÀNG ANH GIA LAI

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.885.783.566</b>	<b>8.971.078.892</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>1.100.315</b>	<b>819.991</b>
111	1. Tiền	4	1.100.315	819.991
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.784.159.168</b>	<b>8.877.588.071</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.483.441.258	1.496.160.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.481.858.649	1.625.464.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.306.369.533	3.753.096.261
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.591.041.957	2.255.107.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(78.552.229)	(252.240.627)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>9.343.332</b>	<b>4.903.261</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	21.983.611	17.580.995
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.640.279)	(12.677.734)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>91.180.751</b>	<b>87.767.569</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	90.894.363	87.481.181
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	286.388	286.388
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.432.868.680</b>	<b>9.862.263.929</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.578.287.844</b>	<b>5.007.032.058</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2.918.988.831	3.400.037.284
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.659.299.013	1.606.994.774
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.050.647</b>	<b>5.422.203</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.250.855	1.435.536
222	Nguyên giá		9.541.177	9.541.177
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.290.322)	(8.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.799.792	3.986.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.180.208)	(1.993.333)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>4.848.889.448</b>	<b>4.848.889.448</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.562.884.812	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(102.594.610)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>640.741</b>	<b>920.220</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	640.741	920.220
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>19.318.652.246</b>	<b>18.833.342.821</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.204.591.083</b>	<b>6.706.515.829</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.275.679.686</b>	<b>4.823.663.936</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	319.295.238	80.269.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	31.256.354	1.842.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	144.607	172.855
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.094.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	315.471.438	237.349.753
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	342.779.978	82.649.067
320	7. Vay ngắn hạn	19	4.265.702.471	4.420.285.837
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.928.911.397</b>	<b>1.882.851.893</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	128.963.046	107.440.727
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	65.825.879	133.588.694
338	3. Vay dài hạn	19	1.734.122.472	1.641.822.472
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.114.061.163</b>	<b>12.126.826.992</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>12.114.061.163</b>	<b>12.126.826.992</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(141.604.787)	(128.838.958)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(128.838.958)	(351.760.883)
421b	- Lãi/lỗ sau thuế chưa phân phối trong năm		(12.765.829)	222.921.925
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>19.318.652.246</b>	<b>18.833.342.821</b>

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	102.740.992	119.881.192	102.740.992	119.881.192
11	2. Giá vốn hàng bán	22	(99.984.632)	(118.144.930)	(99.984.632)	(118.144.930)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.756.360	1.736.262	2.756.360	1.736.262
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	123.652.185	108.840.782	123.652.185	108.840.782
22	5. Chi phí tài chính	23	(135.590.419)	(57.239.432)	(135.590.419)	(57.239.432)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(119.755.337)	(54.933.384)	(119.755.337)	(54.933.384)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(1.583.065)	(1.626.768)	(1.583.065)	(1.626.768)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(1.763.480)	(2.571.969)	(1.763.480)	(2.571.969)
30	8. (Lỗ)/ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.528.419)	49.138.875	(12.528.419)	49.138.875
31	9. Thu nhập khác	25	-	50.383	-	50.383
32	10. Chi phí khác	25	(237.410)	(66.084)	(237.410)	(66.084)
40	11. Lỗ khác	25	(237.410)	(15.701)	(237.410)	(15.701)





# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.765.829)	49.123.174	(12.765.829)	49.123.174
60	13. (Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế TNDN		(12.765.829)	49.123.174	(12.765.829)	49.123.174



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Ngày 27 tháng 4 năm 2023



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>(Lỗ)/ lãi trước thuế</b>		<b>(12.765.829)</b>	<b>49.123.174</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	371.556	376.544
03	Các khoản dự phòng		(173.725.853)	(329.956)
04	Lãi/ (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái		14.723.576	(2.552.178)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(122.226.612)	(106.018.234)
06	Chi phí lãi vay	23	119.755.337	54.933.384
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(173.867.825)</b>	<b>(4.467.266)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(128.653.019)	(251.446.706)
10	(Tăng)/ giảm hàng tồn kho		(4.402.616)	54.490
11	Tăng các khoản phải trả		461.021.090	247.210.888
12	Giảm chi phí trả trước		279.479	302.388
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.252.856)	(22.206.761)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>136.124.253</b>	<b>(30.552.967)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay		(76.440.083)	(60.870.720)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.311	272.755
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(76.432.772)</b>	<b>(60.597.965)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay		180.740.000	343.735.083
	Tiền trả nợ gốc vay		(240.150.900)	(252.110.381)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính</b>		<b>(59.410.900)</b>	<b>91.624.702</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		280.581	473.770
60	Tiền đầu kỳ	4	819.991	7.334.259
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(257)	(431)
70	Tiền cuối kỳ	4	1.100.315	7.807.598

Trương Thị Trúc Thiên Trang  
 Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2023

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cây ăn trái, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("Hoàng Anh Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("Hoàng Anh Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động của Công ty vào ngày 6 tháng 2 năm 2023, theo Thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai số 589/23.

*Chi nhánh hạch toán phụ thuộc*

Tên chi nhánh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý I năm 2023 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân giá quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang             | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

71  
 NG  
 S PH  
 G N  
 ƯỐC  
 ANG  
 GIA  
 KU



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

73  
TY  
AN  
SHU  
TE  
ANH  
AI  
P.GI



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi ngân hàng	1.043.246	772.389
Tiền mặt tại quỹ	57.069	47.602
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.100.315</u></b>	<b><u>819.991</u></b>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.388.732.277	1.401.326.940
Khách hàng khác	94.708.981	94.833.660
	<b><u>1.483.441.258</u></b>	<b><u>1.496.160.600</u></b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước ngắn hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.469.136.093	1.604.123.267
Nhà cung cấp khác	12.722.556	21.341.108
	<b><u>1.481.858.649</u></b>	<b><u>1.625.464.375</u></b>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	4.132.672.783	3.633.730.761
Cho vay ngắn hạn Chính phủ Lào (*)	173.696.750	119.365.500
	<b><u>4.306.369.533</u></b>	<b><u>3.753.096.261</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	2.918.988.831	3.400.037.284
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.225.358.364</u></b>	<b><u>7.153.133.545</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

7. **PHẢI THU VỀ CHO VAY** (tiếp theo)

(\*) Khoản cho vay không tính lãi theo Hợp đồng sửa đổi tín dụng cho vay Dự án xây dựng sân bay Nong Khang tại tỉnh Huaphan, Lào; được ký kết giữa Chính phủ Lào, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Công ty vào ngày 9 tháng 12 năm 2019 nhằm hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Nong Khang tại Lào (trước đây là hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Chính phủ Lào, ký ngày 7 tháng 10 năm 2013). Việc hoàn trả nợ của Chính phủ nước CHDCND Lào, thực hiện thông qua các phương thức: cần trừ khoản doanh thu Chính phủ Lào sẽ nhận được từ các dự án mà Nhóm Công ty là người phát triển tại nước Lào; cần trừ tiền thuê đất, thuế tài nguyên và các loại thuế khác mà Chính phủ Lào sẽ nhận được từ việc hoạt động kinh doanh của các dự án của Nhóm Công ty thực hiện tại Lào; Trả bằng tiền.

8. **PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	2.565.910.594	2.233.201.271
Các khoản khác	25.131.363	21.906.191
	<b>2.591.041.957</b>	<b>2.255.107.462</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.659.299.013	1.606.994.774
	<b>1.659.299.013</b>	<b>1.606.994.774</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.250.340.970</b>	<b>3.862.102.236</b>

9. **HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	21.983.611	17.580.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.983.611</b>	<b>17.580.995</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.640.279)	(12.677.734)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>9.343.332</b>	<b>4.903.261</b>

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ( tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Ngân VND
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
Mua mới trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)	(8.105.641)
Khấu hao trong kỳ	-	(52.481)	(132.200)	(184.681)
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	(873.865)	(5.258.276)	(2.158.181)	(8.290.322)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	495.344	940.192	1.435.536
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	-	442.863	807.992	1.250.855





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	Phần mềm máy vi tính
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.980.000
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	<u>5.980.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.993.333)
Hao mòn trong kỳ	<u>(186.875)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	<u>(2.180.208)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>3.986.667</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	<u>3.799.792</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.562.884.812	-	4.662.884.812	(100.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>4.851.484.058</b></u>	<u><b>(2.594.610)</b></u>	<u><b>4.951.484.058</b></u>	<u><b>(102.594.610)</b></u>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày 31 tháng 3 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	1.081.159.132	-
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	943.987.719	-
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	436.708.401	-	436.708.401	-
Xuất Nhập khẩu HAGL	Thương mại	-	-	-	100.000.000	(100.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.562.884.812</b>	<b>-</b>	<b>4.662.884.812</b>	<b>(100.000.000)</b>



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

### 12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610
		(2.594.610)		(2.594.610)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công cụ và dụng cụ	382.185	445.418
Chi phí trả trước dài hạn khác	258.556	474.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>640.741</b>	<b>920.220</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	302.081.219	64.388.705
Phải trả khác	17.214.019	15.881.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>319.295.238</b>	<b>80.269.857</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ứng trước từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	31.163.962	1.749.775
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	92.392	92.392
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.256.354</b>	<b>1.842.167</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế giá trị gia tăng	90.894.363	87.481.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	285.831	285.831
Thuế nhập khẩu nộp thừa	557	557
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.180.751</b>	<b>87.767.569</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	144.607	172.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.607</b>	<b>172.855</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	288.118.408	208.473.554
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	160.359.122	98.571.561
Các khoản khác	27.353.030	28.876.199
	<b>315.471.438</b>	<b>237.349.753</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	128.963.046	107.440.727
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	78.617.209	57.094.890
	<b>128.963.046</b>	<b>107.440.727</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>444.434.484</b>	<b>344.790.480</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	325.294.533	65.584.210
Phải trả khác bên thứ ba	17.485.445	17.064.857
	<b>342.779.978</b>	<b>82.649.067</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	29.285.940	97.048.755
Phải trả khác bên thứ ba	36.539.939	36.539.939
	<b>65.825.879</b>	<b>133.588.694</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>408.605.857</b>	<b>216.237.761</b>

**19. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	2.718.052.500	2.718.052.500
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	675.361.814	790.250.181
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	599.547.639	599.542.639
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	272.740.518	312.440.517
	<b>4.265.702.471</b>	<b>4.420.285.837</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

<b>19. VAY (tiếp theo)</b>		
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	1.563.527.867	1.471.227.867
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	170.594.605	170.594.605
	<b>1.734.122.472</b>	<b>1.641.822.472</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.999.824.943</b>	<b>6.062.108.309</b>
<b>19.1 Vay dài hạn bên liên quan</b>		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	2.896.696.470	2.804.396.470
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	1.384.883.897	1.384.883.897
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.281.580.367</b>	<b>4.189.280.367</b>
Trong đó:		
Vay dài hạn bên liên quan	1.563.527.867	1.471.227.867
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm	2.718.052.500	2.718.052.500
<b>19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	599.547.639	599.542.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>599.547.639</b>	<b>599.542.639</b>
<b>19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan</b>		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	272.740.518	312.440.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>272.740.518</b>	<b>312.440.517</b>
<b>19.4 Vay dài hạn ngân hàng</b>		Ngàn VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	622.871.814	737.760.181
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	223.084.605	223.084.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>845.956.419</b>	<b>960.844.786</b>
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng	170.594.605	170.594.605
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm	675.361.814	790.250.181



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
<b>Năm 2022</b>				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Lãi thuần trong kỳ	-	-	49.123.174	49.123.174
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>1.170.127.000</b>	<b>(302.085.709)</b>	<b>11.953.580.241</b>
<b>Năm 2023</b>				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(12.765.829)	(12.765.829)
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>1.170.127.000</b>	<b>(141.604.787)</b>	<b>12.114.061.163</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 3 năm 2023 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895 1.108.553.895	1.108.553.895 1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895 1.108.553.895	1.108.553.895 1.108.553.895
<i>Trong đó:</i> Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	 1.108.553.895	 1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

07  
 CÔNG  
 TY  
 HOÀNG ANH GIA LAI  
 PHỤ LỤC



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 21. DOANH THU

### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I			Ngàn VND		
	Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>102.740.992</b>	<b>119.881.192</b>	<b>102.740.992</b>	<b>119.881.192</b>		
Trong đó:						
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	72.874.292	77.710.281	72.874.292	77.710.281		
Doanh thu bán mũ cao su	29.866.700	41.578.000	29.866.700	41.578.000		
Doanh thu bán trái cây	-	562.731	-	562.731		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	-	30.180	-	30.180		

### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I			Ngàn VND		
	Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền cho vay	122.219.301	106.015.541	122.219.301	106.015.541		
Chênh lệch tỷ giá	1.425.573	2.822.548	1.425.573	2.822.548		
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.311	2.693	7.311	2.693		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>123.652.185</b>	<b>108.840.782</b>	<b>123.652.185</b>	<b>108.840.782</b>		



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	72.445.488	77.418.143	72.445.488	77.418.143
Giá vốn mũ cao su	27.539.144	39.647.344	27.539.144	39.647.344
Giá vốn trái cây	-	1.050.852	-	1.050.852
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	-	28.591	-	28.591
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.984.632</b>	<b>118.144.930</b>	<b>99.984.632</b>	<b>118.144.930</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Chi phí lãi vay	119.755.337	54.933.384	119.755.337	54.933.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.530.701	2.066.625	15.530.701	2.066.625
Chi phí khác	304.381	239.423	304.381	239.423
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.590.419</b>	<b>57.239.432</b>	<b>135.590.419</b>	<b>57.239.432</b>





# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

## 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.583.065</b>	<b>1.626.768</b>	<b>1.583.065</b>	<b>1.626.768</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.145.376	1.166.942	1.145.376	1.166.942
Chi phí nhân viên	294.991	452.330	294.991	452.330
Khác	142.698	7.496	142.698	7.496
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.763.480</b>	<b>2.571.969</b>	<b>1.763.480</b>	<b>2.571.969</b>
Chi phí nhân viên	1.096.488	1.327.506	1.096.488	1.327.506
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	437.168	481.868	437.168	481.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.108	605.463	158.108	605.463
Khác	71.716	157.132	71.716	157.132
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.346.545</b>	<b>4.198.737</b>	<b>3.346.545</b>	<b>4.198.737</b>

## 25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý I		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>50.383</b>	<b>-</b>	<b>50.383</b>
Các khoản khác	-	50.383	-	50.383
<b>Chi phí khác</b>	<b>237.410</b>	<b>66.084</b>	<b>237.410</b>	<b>66.084</b>
Lỗ thanh lý tài sản	-	-	-	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	212.174	-	212.174	-
Các khoản phạt	25.236	7.997	25.236	7.997
Các khoản khác	-	58.087	-	58.087
<b>LÃI / (LỖ) KHÁC</b>	<b>(237.410)</b>	<b>(15.701)</b>	<b>(237.410)</b>	<b>(15.701)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022
<b>(Lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(12.765.829)</b>	<b>49.123.174</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	400.909	408.654
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.760.991	(3.633.764)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>7.396.071</b>	<b>45.898.064</b>
Lỗi chuyển sang từ các kỳ trước	(7.396.071)	(45.898.064)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 16)</i>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay tiền	97.300.000
		Trả gốc vay	44.700.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	60.375.036
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	30.651.043
		Cán trừ công nợ	55.514.084
		Lãi đi vay	83.309.880
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	20.780.583
		Bán hàng hóa	72.228.849
		Mua hàng hóa	19.283.367
		Lãi cho vay	84.387.133
		Chi hộ	20.780.583
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	11.772.359
		Lãi cho vay	9.243.394
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ	192.545.530
		Lãi cho vay	16.511.241
		Chi hộ	284.980
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cán trừ công nợ	205.195.120
		Lãi cho vay	12.077.536
CRD	Công ty con	Cán trừ công nợ	68.208.415
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	1.214.355
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	658.472
Công Ty TNHH Phân Phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	782.778

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 03 năm 2023 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	1.295.063.519
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	44.669.895
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	35.391.862
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	13.537.341
Công ty TNHH một thành viên Chăn nuôi bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	69.660
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.388.732.277</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	820.868.299
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	648.267.794
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.469.136.093</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	2.832.407.662
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	507.428.340
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	408.021.466
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>4.132.672.783</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.940.026.959
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	397.886.889
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	346.457.604
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.918.988.831</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.512.826.036
		Lãi cho vay	340.556.073
		Chi hộ	165.441.972
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	201.468.968
		Lãi cho vay	9.272.448
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	139.942.249
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	91.121.019
		Cần trừ công nợ	5.877.449
CRD	Công ty con	Cần trừ công nợ	73.259.822
Công ty Cổ phần Cao su BIDIPHAR	Công ty liên kết	Cổ tức	26.144.558
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.565.910.594</u></b>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.547.427.736
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	69.874.640
		Cần trừ công nợ	30.162.689
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	11.833.948
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.659.299.013</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2023

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	276.175.727
Công ty TNHH Phân phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	20.845.400
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.466.242
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.593.850
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>302.081.219</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	31.163.962
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay ngắn hạn	160.359.122
<b>Chi phí phải trả dài hạn (Thuyết minh số 17)</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay dài hạn	78.617.209
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ, thu hộ	68.489.105
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cán trừ công nợ	256.805.428
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>325.294.533</u></b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Heng Brothers	Công ty con	Cán trừ công nợ	29.285.940



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2023

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2023

